

Bản án số: **29/2021/DS-ST**
Ngày: 30-9-2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Huỳnh Tường Viên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trương Tha**
Ông **Nguyễn Lơn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Bình** – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42A/2021/QĐXXST-DS ngày 26/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐST-DS ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hàng Thị A (tên gọi khác: Bi)** – Sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố 15, phường S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu T** – Sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa – nguyên đơn bà Hàng Thị A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 15/1/2020 bà có cho bà Nguyễn Thị Thu T mượn số tiền 70.000.000 đồng có viết ký giấy mượn tiền hẹn thời gian 02 tháng sẽ trả. Đến hạn trả nợ bà T vẫn chây ỳ không trả tiền mặc dù bà đến nhà đòi nhiều lần. Nay bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán số tiền 79.877.000 đồng vào một lần trong đó số tiền gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 9.877.000 đồng từ ngày 16/3/2020 đến ngày 16/8/2021 tương ứng 17 tháng với lãi suất 0.83%/tháng. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do nguyên đơn tự nguyện chịu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn vắng mặt dù được triệu tập họp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 79.877.000 đồng vào một lần trong đó số tiền gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi là 9.877.000 đồng từ ngày 16/3/2020 đến ngày 16/8/2021 tương ứng 17 tháng với lãi suất 0.83%/tháng. Xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần vì khoản vay đã quá hạn ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa thông qua thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai theo quy định Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Thu T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 9, phường S, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Do đó Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp:

Bà Hàng Thị A yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T trả số tiền đã vay. Xác định đây là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Vào ngày 15/01/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn có viết giấy mượn tiền với nội dung “*tôi tên Nguyễn Thị Thu T CMND 225432631 TDP 9 S – H có mượn của chị bi Vạn Thiện hiện tại đang ở khách sạn Kim Hoàng Đạt tổ DP 15, phường S với số tiền 70.000.000 bảy mươi triệu đồng về làm ăn. Tôi hẹn chị bi 02 tháng tôi*

trả. Nếu không trả tôi chịu hoàn toàn trước pháp luật” có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Thu T do nguyên đơn cung cấp là đúng. Việc thỏa thuận vay tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, về nội dung và hình thức của giấy vay tiền là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay tài sản giữa các bên là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T thanh toán số tiền gốc 70.000.000đ theo giấy mượn tiền đề ngày 15/1/2020.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nội dung của giấy mượn tiền đề ngày 15/1/2020 thể hiện số tiền vay 70.000.000đ hạn 2 tháng sẽ trả và không thỏa thuận mức lãi suất nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi suất phù hợp theo quy định Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ khi hết hạn vay đến nay, nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bà T thanh toán khoản vay nhưng bị đơn vẫn lờ mờ, chây ì cố tình không chịu trả.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập đến Tòa để thực hiện quyền, nghĩa vụ nhưng không có mặt là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình mặc dù Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phát sóng Đài Tiếng nói Việt Nam thời gian vào lúc 17 giờ 30 đến 18 giờ các ngày 29, 30 và 31 tháng 5 năm 2021; đăng báo Thanh niên các ngày 27, 28 và 29 tháng 5 năm 2021 và Công thông tin điện tử của Tòa án.

Yêu cầu của nguyên đơn là trả số tiền gốc và lãi vào một lần vì khoản vay đã quá hạn, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T trả số tiền gốc 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*) vào một lần cho bà Hàng Thị A là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả 70.000.000đ (từ ngày 16/3/2020 đến ngày 16/8/2021) tương ứng thời gian 17 tháng lãi suất 0.83%/tháng với số tiền là 9.877.000đ.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2021 và bản tự khai, bà A yêu cầu bà T trả số tiền lãi (từ tháng 2/2020 đến tháng 3/2021) là 19.600.000đ. Nhưng quá trình giải quyết vụ án bà A chỉ yêu cầu số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 9.877.000đ (từ ngày 16/3/2020 đến ngày 16/8/2021) tương ứng thời gian 17 tháng lãi suất 0.83%/tháng.

Theo quy định hợp đồng vay không có lãi suất nhưng nếu đến hạn bên vay không trả nợ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quy định. Xét yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất trên nợ gốc quá hạn 0.83%/tháng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận yêu cầu về lãi suất trên nợ gốc quá hạn của nguyên đơn.

Từ những nhận định đã nêu, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả số tiền gốc 70.000.000đ và lãi suất trên nợ gốc quá hạn là 9.877.000đ (từ ngày 16/3/2020 đến ngày

16/8/2021 tương ứng thời gian 17 tháng lãi suất 0.83%/tháng) là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền gốc và lãi đã vay. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $79.877.000đ \times 5\% = 3.993.850đ$.

Hoàn trả cho bà Hàng Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 179; Điều 180; Điều 227, Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T phải trả cho bà Hàng Thị A số tiền 79.877.000 đồng (*Bảy mươi chín triệu tám trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) vào một lần trong đó số tiền gốc là 70.000.000 đồng và số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn là 9.877.000 đồng.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu T phải nộp 3.993.850 đồng (*Ba triệu chín trăm chín mươi ba nghìn tám trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hàng Thị A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.240.000 đồng (*Hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0004944 ngày 23/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã H;
- THADS thị xã H
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Huỳnh Tường Viên